

THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRƯỚC THÊM HỘI NHẬP

Văn Tạo

Hà Nội

1. Thành công bước đầu và những kết quả đạt được

Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) ra đời cách đây 13 năm theo Đề án thí điểm thành lập QTDND tại Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 27/7/1993 của Thủ tướng Chính phủ. Là tổ chức tín dụng ra đời muộn nhất so với các tổ chức tín dụng khác, nhưng sau 7 năm thí điểm thành lập, từ năm 1994 đến năm 2000 và thực hiện Đề án củng cố, chấn chỉnh, hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND theo Chỉ thị số 57/CT-TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ từ năm 2001 đến nay, hệ thống QTDND đã có những thành công và đạt được kết quả đáng khích lệ.

a) Kết quả hoạt động của QTDND cơ sở

- Tính đến cuối năm 2005, đã có 917 QTDND cơ sở hoạt động trên địa bàn 53/64 tỉnh, thành phố; đã có gần 1,030 triệu thành viên gia nhập, bình quân mỗi quỹ có 1.123 thành viên; đa số là những hộ nông dân, thợ thủ công, kinh doanh nhỏ.

Kết quả tổng số nguồn vốn đạt 7.297 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2004, gấp hơn 86 lần so với

năm 1994, năm đầu mới thành lập; trong đó, vốn điều lệ đạt 389 tỷ đồng, tăng 26,2% so với năm 2004, bình quân đạt 424 triệu đồng/ 1 quỹ; vốn huy động tiền gửi tại chỗ đạt 4.768 tỷ, tăng 20,9% so với năm 2004, chiếm tỷ trọng 65,3% tổng nguồn vốn; vốn vay là 1.497 tỷ đồng, tăng 34,2% so với năm 2004, chiếm tỷ trọng 20,5% tổng nguồn vốn.

Dư nợ cho vay đạt 6.433 tỷ đồng, tăng so với 2004 là 26,4%, bằng 88,2% tổng nguồn vốn; gấp hơn 89 lần so với năm 1994 - năm đầu thành lập; 13 năm qua đã cho 7,135 triệu lượt thành viên vay vốn, với doanh số cho vay là 48.987 tỷ đồng; mức tăng trưởng tín dụng năm 2004 so với năm 2003 là 25,6%, năm 2005 so với năm 2004 là 26,4% nhưng thấp hơn tăng trưởng của tín dụng của toàn hệ thống tín dụng năm 2004 là 41,65%, năm 2005 là 31,04%⁽¹⁾; cho thấy nguồn vốn của hệ thống QTDND chưa đáp ứng được nhu cầu vốn cho vay thành viên.

b) Củng cố, chấn chỉnh thúc đẩy phát triển bền vững

Sau 6 năm thực hiện Chỉ thị số 57/CT-TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg

của Thủ tướng Chính phủ về Củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND, từ cuối năm 2000, số QTDND hoạt động yếu kém, vi phạm quy chế của Nhà nước chiếm tới 38,65% số Quỹ, đến nay chỉ còn 9 quỹ/ địa bàn 6 tỉnh, thành phố cần được tiếp tục củng cố, chấn chỉnh, chiếm tỷ lệ chưa đầy 1% trên tổng số QTDND đang hoạt động; có được kết quả trên đây là nhờ sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, của các Bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) các cấp đã chỉ đạo thực hiện và cơ quan Bảo hiểm tiền gửi đã hỗ trợ đặc lực trong việc chi trả tiền gửi của các QTDND bị giải thể bất buộc, giữ được ổn định chính trị và an ninh xã hội, sau 6 năm củng cố, chấn chỉnh hệ thống QTDND đã phát triển bền vững hơn.

c) Đối với QTDND Trung ương

Việc thành lập Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (QTDNTW) nhằm mục đích chủ yếu là thực hiện mối liên kết về tài chính trong hệ thống QTDND; đại diện cho hệ thống tiếp nhận các nguồn vốn của Chính phủ, các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế đầu tư cho

phát triển nông nghiệp - nông thôn; điều hoà vốn khả dụng trong hệ thống, cho các QTDND cơ sở vay đáp ứng nhu cầu vốn vay của các thành viên. Từ ngày thành lập 5/8/1995 đến nay đã 12 năm, QTDTW đã phát triển không ngừng; đến nay tổng số nguồn vốn đạt 3.305 tỷ đồng, tăng 39,7% so với năm 2004, gấp hơn 27,3 lần so với năm 1995; trong đó vốn điều lệ đạt 111 tỷ đồng, chiếm 3,4% tổng nguồn vốn; vốn huy động tiền gửi đạt 2.134 tỷ đồng, tăng 53,5% so với năm 2004; chiếm 64,6% tổng nguồn vốn; nguồn vốn điều hoà đạt 244 tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2004; nguồn vốn vay đạt 821 tỷ đồng, tăng 14,9% so với năm 2004, chiếm 24,8% tổng nguồn vốn; được các tổ chức tài chính quốc tế tín nhiệm và sự nỗ lực tìm kiếm nguồn vốn của bản thân, QTDTW đã được Ngân hàng Thế giới chấp thuận cho vay vốn theo Dự án tài chính nông thôn II và ký Hiệp định vay vốn của Chính phủ Tây Ban Nha với 15 triệu EURO; nhờ vậy nguồn vốn hỗ trợ cho các QTDND ngày càng tăng. Tổng dư nợ đạt 2.526 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2004, gấp 39,4 lần so với năm 1995; chiếm 76,4% tổng nguồn vốn; trong đó, cho vay QTDND thành viên là 1.367 tỷ đồng, tăng 36,8% so với năm 2004, chiếm tỷ trọng 54,1% tổng dư nợ cho vay. QTDTW đã và đang thực hiện có kết quả vai trò liên kết về tài chính, thúc đẩy quá trình phát triển, an toàn có hiệu quả trong hoạt động cho toàn hệ thống.

d) Hoàn thiện mô hình tổ chức, tạo sự liên kết trong hệ thống

Chuyển từ mô hình 3 cấp thành 2 cấp:

Thực hiện Đề án Củng cố, chấn chỉnh hoạt động hệ thống QTDND theo Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã chỉ đạo QTDTW và 21 QTD khu vực hoàn thành việc sáp nhập để trở thành Chi nhánh của QTDTW trong vòng chưa đầy 2 năm, đến nay, QTDTW đã có 24 Chi nhánh phục vụ cho các QTDND cơ sở trên địa bàn 53 tỉnh, thành phố; đáp ứng kịp thời vốn vay cho thành viên và tổ chức tốt điều hoà vốn trong hệ thống, nguồn vốn điều hoà năm 2005 so với năm 2001 tăng 2,5 lần, không chỉ giải quyết nhu cầu gửi vốn cho các QTDND thừa vốn mà còn tăng thêm nguồn vốn cho vay đối với các QTDND thiếu vốn. Dù cho QTDTW và QTDND cơ sở là những chủ thể độc lập về tài chính, nhưng bằng công cụ điều hành lãi suất của QTDTW và tinh thần hợp tác, tương trợ trong hệ thống, đã tạo được vòng khép kín chu chuyển vốn; đó chính là thành công của việc chuyển đổi mô hình 2 cấp.

Thành lập Hiệp hội QTDND Việt Nam - bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển hệ thống:

Sau một thời gian dài chuẩn bị, với sự hỗ trợ tích cực của NHNN, ngày 14/6/2005, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 60/2005/QĐ-BNV về việc cho phép thành lập Hiệp hội QTDND Việt Nam, khởi đầu cho sự phát triển. Theo quy định của Điều lệ, Hiệp hội không chỉ là cơ quan đại diện, bảo vệ quyền lợi cho hội viên mà là cơ quan chỉ đạo, quản lý và điều hành thống nhất, cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện trong hệ thống; cung

cấp các dịch vụ như thông tin, đào tạo cán bộ cho các QTD hội viên, là cơ quan quản lý và điều phối Quỹ an toàn hệ thống để hỗ trợ kịp thời cho hội viên khi gặp khó khăn khả năng thanh toán; thông qua Tổ chức kiểm toán nội bộ của Hiệp hội để kịp thời phát hiện, uốn nắn những sai sót trong quản trị, điều hành và quản lý tài chính của QTD hội viên; với những chức năng, nhiệm vụ như vậy, khi được thực thi, chắc chắn sẽ góp phần giúp cho hệ thống QTDND ngày càng phát triển an toàn hiệu quả hơn.

Những thành công bước đầu của hệ thống QTDND đã được Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội đánh giá cao trong việc tạo lập được mô hình tổ chức tín dụng hợp tác xã kiểu mới một cách bài bản với những cơ chế liên kết bền vững; một mô hình kinh tế mà Nhà nước không cần đầu tư vốn hoặc đầu tư rất ít nhưng đã tạo được kênh dẫn vốn trực tiếp, có hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn, xoá đói giảm nghèo.

2. Những yếu kém và thách thức trong quá trình hội nhập

Hệ thống QTDND ra đời cách đây 13 năm, là một tổ chức tín dụng nhỏ bé, sinh sau đẻ muộn so với các tổ chức tín dụng khác; mặc dù có những thành công bước đầu nhưng còn nhiều hạn chế và yếu kém đang là những thách thức trong quá trình hội nhập. Vì vậy, hoạt động của hệ thống QTDND không tránh khỏi bị cạnh tranh, dẫn đến nguy cơ thu hẹp thị trường, làm ăn thua lỗ, phá sản là khó tránh khỏi; thị trường hoạt động của

QTDND tuy rộng lớn nhưng chưa đa dạng, chứa đựng nhiều rủi ro; cơ sở hạ tầng chưa phát triển; nhu cầu cung cấp các dịch vụ chưa nhiều; trình độ cán bộ làm việc cho QTDND và trình độ công nghệ còn thấp. Đó là những nguyên nhân dẫn đến hạn chế sự phát triển của mô hình tổ chức tín dụng này:

a) Vốn điều lệ thấp, hạn chế khả năng huy động nguồn vốn và tăng dư nợ tín dụng

Tổng số vốn điều lệ của toàn hệ thống hiện chỉ có 500 tỷ đồng trong đó; QTDND là 111 tỷ đồng, QTDND cơ sở là 389 tỷ đồng, số vốn điều lệ này thấp hơn vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP); nên đã hạn chế khả năng huy động vốn và tăng dư nợ cho vay.

Đối với QTDND cơ sở, tuy số vốn điều lệ bình quân đạt hơn 4 lần so với vốn pháp định, nhưng việc tăng thêm vốn điều lệ là khó khăn, bởi đa số thành viên góp vốn phần lớn là người nghèo, ở nông thôn, năng lực tài chính có hạn và một số chính sách chưa phù hợp đã hạn chế vốn đầu tư của người dân vào lĩnh vực này.

Đối với QTDND, vốn điều lệ mới chỉ đạt 111 tỷ đồng, sau 6 năm không tăng mà còn thấp hơn các NHTMCP; đã hạn chế khả năng huy động vốn và tăng trưởng tín dụng; mặc dù Đại hội thành viên đã có Nghị quyết tăng thêm gấp đôi vốn góp từ 10 triệu đồng hiện nay lên 20 triệu đồng, số tăng thêm cũng chỉ đạt trên 9 tỷ đồng, nếu tăng thêm nữa số vốn góp của QTDND vào QTDND sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu an toàn vốn theo quy định của NHNN.

b) Chỉ mới cung cấp dịch vụ truyền thống

Cho đến nay toàn hệ thống QTDND chỉ mới cung cấp dịch vụ tín dụng là huy động tiền gửi và cho vay, một trong những dịch vụ có liên quan chặt chẽ đến hoạt động tiền tệ, tín dụng, đó là dịch vụ thanh toán lại chưa được NHNN cho phép thực hiện; trong lúc, các NHTM đang ngày càng phát triển mạnh và mở rộng các loại hình dịch vụ như dịch vụ thẻ, bảo lãnh, bao thanh toán, thu đổi ngoại tệ..., chưa nói đến ngân hàng nước ngoài có hàng trăm, hàng ngàn sản phẩm, dịch vụ; những yếu kém này đã hạn chế khả năng sinh lời, vốn chỉ dựa vào dịch vụ tín dụng với nhiều rủi ro.

c) Địa bàn hoạt động bị hạn chế

Để đảm bảo an toàn trong hoạt động, hiện nay NHNN quy định chỉ cho phép QTDND được hoạt động trong một xã, phường cả về huy động tiền gửi và cho vay; trong khi đối với các NHTM không bị hạn chế bởi quy định này; do thị trường tín dụng bị thu hẹp nên đã ảnh hưởng đến huy động nguồn vốn và tăng trưởng tín dụng, dẫn đến thu nhập thấp.

d) Cơ sở hạ tầng và trình độ công nghệ thông tin lạc hậu

Do QTDND được thành lập và hoạt động chủ yếu trên địa bàn nông thôn từ cơ sở hạ tầng vốn đã yếu kém như: giao thông, phương tiện thông tin liên lạc, kèm theo năng lực tài chính của hầu hết QTDND còn rất thấp và trình độ công nghệ thông tin thấp, đã hạn chế sự phát triển.

e) Trình độ quản trị, điều hành và tác nghiệp thấp

Mặc dù được Nhà nước đầu tư nhiều cho công tác đào tạo cán bộ từ cấp quản lý như Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và kế toán trưởng đến một số cán bộ tác nghiệp như cán bộ tín dụng nhưng hiệu quả chưa cao, chất lượng đào tạo và trình độ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Theo một điều tra độc lập năm 2004 của ADB thì trong tổng số 7.036 cán bộ làm việc tại QTDND cơ sở chỉ có 18% đạt trình độ đại học, 51% đạt trình độ trung cấp; tỷ lệ này ở QTDND là 67% có trình độ đại học và 24% có trình độ trung cấp; tỷ lệ đạt trình độ đại học thấp hơn nhiều với các NHTM nhất là NHTMCP.

g) Tác phong tùy tiện, rủi ro đạo đức cao

Ra đời và hoạt động trong môi trường nông thôn, mang theo quan hệ gia đình, chòm xóm, từ tác phong làm việc đến việc chấp hành quy chế, quy trình, thủ tục làm việc của nhiều QTDND còn khá tùy tiện, chưa kể những sức ép đến từ nhiều phía dẫn đến chưa chấp hành triệt để các quy định của Nhà nước nhất là đầu tư tín dụng.

Do không có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên từ cơ quan quản lý; Hội đồng quản trị, Giám đốc một số QTD còn buông lỏng công tác quản lý cán bộ, công tác kiểm soát nội bộ còn yếu nên đã phát sinh một số tiêu cực như tham ô, lập chứng từ thu giả để thu tiền, thụt két, cho vay sai quy chế đã để lại hậu quả tỷ lệ nợ xấu cao, dẫn đến một số QTDND đã phải rút giấy phép hoạt động, ảnh hưởng đến uy tín của hệ thống.

3. Một số giải pháp khắc phục và kiến nghị

Để vượt qua những thách thức và yếu kém trên, theo chúng tôi cần có các giải pháp như sau:

a) Tăng vốn điều lệ cho từng QTDND cơ sở

Tăng mức góp vốn tối thiểu của mỗi thành viên: mặc dù vốn điều lệ bình quân hiện có của QTDND cơ sở gấp 4 lần vốn pháp định, bình quân vốn góp mới đạt 378 ngàn đồng/ một thành viên; con số này là quá thấp so với thời giá hiện nay và thu nhập bình quân của mỗi hộ gia đình; để tăng vốn điều lệ, đề nghị:

+ Tuỳ theo tình hình kinh tế từng địa phương, đề nghị Đại hội thành viên các QTDND nên quyết định tăng thêm vốn góp tối thiểu lên gấp 4 lần hoặc cao hơn so với mức 50 ngàn đồng như quy định tại điểm a, khoản 3.2, Thông tư số 08/2005/TT-NHNN ngày 30/12/2005; với số tiền tăng thêm của mỗi thành viên là 150 ngàn đồng cũng sẽ giúp mỗi Quý tăng thêm được 168 triệu đồng, bình quân vốn điều lệ của mỗi Quý đạt 582 triệu đồng; nếu tất cả các QTDND hiện có đều tăng được như vậy, tổng số vốn điều lệ của QTDND cơ sở sẽ đạt 543 tỷ đồng; tăng 154 tỷ đồng.

+ Đề nghị Nhà nước cần sửa lại quy định điểm d, khoản 1.4 phần I tại Thông tư số 62/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 của Bộ Tài chính về chia lãi vốn góp cho thành viên: "Mức chia lợi tức cổ phần cho các thành viên được căn cứ vào số vốn góp do Hội đồng quản trị QTDND cơ sở dự kiến, Đại hội thành viên xem xét quyết định hàng năm

nhưng không vượt quá lãi suất cho vay bình quân trong năm của QTDND".

Việc hạn chế mức chia lợi tức cổ phần đối với QTDND theo các nhà quản lý là nhằm để hạn chế chạy theo lợi nhuận, hoạt động sai mục tiêu; theo chúng tôi lập luận này chưa thật thuyết phục, vì: nguyện vọng lớn nhất của đa số thành viên, nhất là các hộ nghèo là quyền được QTDND cung cấp các khoản tín dụng khi cần thiết cho hoạt động, sản xuất, kinh doanh và giải quyết kịp thời những nhu cầu cấp bách của đời sống mà không phải vay nặng lãi; quy định này đã có trong Điều lệ của QTDND và quy định của NHNN về khống chế tỷ lệ cho vay ngoài thành viên để hạn chế hoạt động sai mục tiêu; vì vậy, lợi tức cổ phần không phải là quan trọng nhất.

Mặt khác, việc đầu tư vốn vào lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn gặp nhiều rủi ro và lợi nhuận thấp, nên những người có năng lực tài chính không muốn góp vốn vào QTDND mà chuyển hướng đầu tư vào các lĩnh vực khác như mua vàng, ngoại tệ, chứng khoán hoặc mua cổ phần của NHTMCP do lợi tức của các ngân hàng này đạt bình quân gấp 2 lần lãi suất huy động tiền gửi không chỉ hấp dẫn nhà đầu tư trong nước mà cả nhà đầu tư nước ngoài.

Vì vậy, kiến nghị QTDND được chia lãi cổ phần sau khi trích lập 2 quỹ không chia là quỹ dự phòng tài chính 10%, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ 20% và quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, số còn lại được dành chia lợi tức cổ phần cho thành viên. Có như vậy mới động viên và khuyến khích các hộ gia

đình thu nhập khá góp vốn vào QTDND.

+ Đề nghị các QTDND tăng cường vận động thêm thành viên gia nhập; mặc dù với 1.123 thành viên / Quý như hiện nay, đây là một loại hình HTX được nhân dân đồng tình, tuy nhiên còn nhiều hộ gia đình chưa gia nhập nên chưa được hưởng những lợi ích từ QTDND mang lại, khi gặp khó khăn họ phải vay vốn từ bên ngoài với lãi suất cao, vừa để tăng thêm vốn vừa hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi.

b) Tăng vốn điều lệ cho QTDTW

Năm 1997, vốn điều lệ của QTDTW đạt 113 tỷ đồng, là một trong số ít tổ chức tín dụng cổ phần đạt số vốn điều lệ cao như vậy, nhưng đến nay các vốn điều lệ của các NHTMCP đều đạt ít nhất trên 300, 400 tỷ, cao nhất là 1.850 tỷ đồng; với số vốn điều lệ như hiện nay, QTDTW không đủ sức cạnh tranh đối với các NHTM trong nước, nhất là không đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN, không đủ điều kiện mở rộng huy động vốn và tăng trưởng tín dụng, trước hết là tăng dư nợ cho vay đối với QTDND cơ sở để thực hiện có kết quả là kênh chuyển vốn để phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn. Vừa qua, NHNN đã có tờ trình Thủ tướng Chính phủ tăng vốn điều lệ cho QTDTW từ 80 tỷ đồng vốn góp của Nhà nước lên 2.000 tỷ đồng và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Văn bản số 3583/VPCP-KTTH ngày 7/7/2006.

Hiện đang có nhiều ý kiến khác nhau về những giải pháp tăng vốn điều lệ cho QTDTW:

Có ý kiến cho rằng tăng ưu đãi cho hệ thống QTDND nên thực hiện bằng cách giảm thuế thu nhập, tạo điều kiện cho thuê đất làm trụ sở, đào tạo cán bộ mà không nên tăng vốn góp của Nhà nước vào QTDTW, bởi đi ngược lại với chủ trương cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước; trong đó có một số NHTMNN, việc tăng vốn điều lệ của QTDTW chỉ nên do các QTDND cơ sở quyết định. Quan điểm này cho rằng sở dĩ các QTDND chưa mặn mà hoặc còn thờ ơ với việc tăng vốn góp là do lợi tức cổ phần hiện nay của QTDTW là không đáng kể, chỉ mới đạt 0,24%/ năm; mặt khác, việc cung ứng vốn tín dụng cho QTDND cơ sở chưa được thuận lợi.

Những lập luận này có phần đúng về hình thức, nhưng để hiểu nguyên nhân, nhất là tại sao lợi tức cổ phần của QTDTW còn thấp thì cần đi sâu vào bản chất hoạt động của QTDTW đối với QTDND cơ sở. Những năm gần đây, nguồn vốn vay của QTDND cơ sở ngày càng tăng, chủ yếu là vốn vay của QTDTW: năm 2003, dư nợ là 886 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,7% tổng nguồn vốn; năm 2004, dư nợ là 1.116 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19% tổng nguồn vốn; năm 2005, dư nợ là 1.497 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 20,5% tổng nguồn vốn. Mức lãi suất cho vay nguồn vốn này thường thấp hơn lãi suất tiền vay đối với khách hàng ngoài hệ thống từ 0,2% đến 0,25%/ tháng. Giả sử số dư nợ cuối các năm trên đây là số dư nợ bình quân vốn vay của QTDTW thì chênh lệch lãi: năm 2003, dư nợ là 886 tỷ đồng x 0,2%/tháng 12 tháng bằng 21,264 tỷ đồng, còn thu nhập cuối năm của QTDTW chỉ là 11 tỷ đồng; năm

2004, dư nợ 1.116 tỷ đồng x 0,2%/ tháng x 12 tháng bằng 26,784 tỷ đồng, còn thu nhập cuối năm 2004 chỉ là 14 tỷ đồng; năm 2005, dư nợ là 1.497 tỷ đồng x 0,2%/ tháng 12 tháng bằng 35,928 tỷ đồng, còn thu nhập cuối năm của QTDTW mới đạt 16 tỷ đồng. Số chênh lệch lãi trên đây còn lớn hơn nhiều lần nếu tính theo lợi tức cổ phần của NHTMCP. Đây là những con số khá ấn tượng thường bị bỏ qua và bị che lấp bởi số lợi tức cổ phần được chia hàng năm; số chênh lệch lãi trên chính là lợi ích mà QTDTW mang lại cho QTDND cơ sở; chưa kể đến những khi gặp khó khăn về khả năng chi trả, nguồn vốn của QTDTW đã giúp QTDND cơ sở kịp thời chi trả tiền gửi và cho vay đối với thành viên; nếu không có nguồn vốn hỗ trợ của QTDTW liệu các QTDND có thể tồn tại và phát triển bền vững được không? Đó là lợi ích vô cùng quan trọng trong mối liên kết về tài chính của hệ thống. Vì vậy, cần nhận thức một cách toàn diện, đúng đắn hơn về vốn trong hệ thống để các QTD thành viên không những tăng cường tính liên kết và tăng vốn góp vào QTDTW để nâng cao năng lực tài chính cho cả hệ thống.

Tuy nhiên, để khuyến khích các QTDND có số vốn thừa gửi vào QTDTW theo cơ chế điều hoà vốn, QTDTW nên áp dụng lãi suất cao hơn lãi suất huy động tiền gửi, hoặc bằng lãi suất cho vay đối với QTDND cơ sở thiếu vốn, như vậy mọi QTD thành viên được hưởng lợi từ liên kết hệ thống.

Mặt khác, QTDTW cần tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, nhất là đầu tư tín dụng hạn chế nợ xấu ở mức thấp và áp dụng mọi giải pháp để tiết giảm chi phí như: trích

lập quỹ dự phòng rủi ro, quản lý hành chính..., nhờ đó, có cơ hội tăng lợi tức vốn góp cho các QTD thành viên.

Bên cạnh đó, cũng có ý kiến cho rằng, nếu chỉ trông chờ vào vốn góp của QTDND cơ sở tăng thêm thì còn lâu QTDTW mới đủ khả năng tạo sự thay đổi lớn trong cơ cấu vốn tự có! Họ cho rằng, để tăng vốn điều lệ cho QTDTW cần dựa vào nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước mới có thể đảm bảo năng lực tài chính của QTDTW để mở rộng cho vay trong hệ thống, nâng cao trình độ quản lý, cải tiến công nghệ, nhân lực, chất lượng hoạt động thực hiện các mục tiêu được đề cập trong Chỉ thị số 57/CT-TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ý kiến phân tích trên có thể đúng về thực trạng vốn và khả năng tăng vốn tự có cho QTDTW đứng trước thêm hội nhập, nhưng đây là mô hình kinh tế hợp tác xã, việc tăng vốn góp vào QTDTW, trước hết, nên dựa vào góp vốn của QTD thành viên và các tổ chức có liên quan cùng hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tập thể, sau đó mới dùng đến vốn hỗ trợ của Nhà nước với một tỷ lệ phù hợp, theo một lộ trình nhất định chứ không nên để vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ quá cao. Vì vậy, để tăng vốn cho QTDTW, nên theo các hướng sau đây:

- Tăng vốn góp của các QTD thành viên: Như đã phân tích ở phần trên việc tăng vốn điều lệ của QTDND cơ sở là tiền đề cho việc tăng vốn góp vào QTDTW. Nếu tăng vốn góp từ 10 triệu đồng/ 1 quỹ hiện nay lên 50 triệu đồng/1 quỹ là hiện thực; như vậy, với việc

tăng vốn góp thêm 40 triệu đồng/1 Quý, QTD TW sẽ có thêm gần 40 tỷ đồng.

- Tăng số lượng QTDND cơ sở thành lập mới: Theo định hướng phát triển hệ thống QTDND giai đoạn 2007 - 2020 của NHNN, số lượng QTDND sẽ đạt hơn 1.700 quỹ với 2,7 triệu thành viên, như vậy, với số 800 quỹ tăng thêm, số vốn góp của các quỹ này sẽ đạt 40 tỷ; đồng thời cùng với phát triển kinh tế, năng lực tài chính của các QTD thành viên được cải thiện, số vốn điều lệ bình quân được nâng lên, việc tăng vốn điều lệ của QTD TW có thể dựa vào vốn góp từ QTD thành viên là chủ yếu.

- Đề nghị Nhà nước tập trung các nguồn vốn hỗ trợ cho các tổ chức chính trị - xã hội để góp vốn vào QTD TW: Thời gian trước đây, khi mà việc tiếp cận vốn tín dụng còn gặp khó khăn, Chính phủ đã quyết định hỗ trợ cho các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Liên minh HTX Việt Nam một số vốn nhất định để làm nguồn vốn cho vay đối với hội viên của mình; các tổ chức chính trị - xã hội đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trên và có sự tăng trưởng nhất định. Ví dụ như Quỹ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam đến cuối năm 2005 đã có số vốn đạt 241 tỷ đồng và nguồn vốn của Liên minh HTX Việt Nam cũng có số vốn đáng kể; các tổ chức chính trị - xã hội này sẽ là thành viên góp vốn vào QTD TW, tham gia quản lý, điều hành. Đây là tiền đề cho việc hình thành Ngân hàng Hợp tác xã nhằm gắn kết giữa hệ thống QTDND với hợp tác xã khác như nội dung Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ.

Sau khi tập trung mọi nguồn lực của các QTD thành viên và của các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động có liên quan đến kinh tế hợp tác xã, nông nghiệp - nông thôn; số vốn còn thiếu được Nhà nước hỗ trợ thêm đảm bảo tỷ lệ chi phối, không làm thay đổi bản chất là một tổ chức tín dụng cổ phần để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế tập thể.

Việc tăng vốn điều lệ cho QTD TW có ý nghĩa quan trọng, tạo động lực để QTD TW làm đầu tàu, đủ sức thúc đẩy cả hệ thống QTDND phát triển nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tập thể dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn tín dụng thông qua hệ thống QTDND; không chỉ giúp cho kinh tế tập thể đủ sức cạnh tranh mà còn có ý nghĩa to lớn về kinh tế - xã hội, góp phần tạo công ăn, việc làm, cải thiện đời sống cho hàng chục triệu gia đình chủ yếu ở nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo, giảm sự bất bình đẳng trong xã hội, thực hiện có kết quả kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2006 - 2010.

c) Tăng thêm các dịch vụ cho QTDND

Nguồn thu nhập của QTDND nếu chỉ dựa vào dịch vụ huy động vốn và cho vay sẽ gặp khó khăn do gặp rủi ro cao; để đa dạng hoá dịch vụ cần tăng thêm dịch vụ mới, theo chúng tôi, trước hết, Nhà nước cần cho phép QTDND cung cấp một số dịch vụ đủ điều kiện trước mắt là cung ứng các dịch vụ thanh toán, chuyển tiền; đại lý thu bảo hiểm...; khi đủ điều kiện nên mở rộng dịch vụ như cho vay hợp vốn, bảo lãnh trong hệ thống.

d) Mở rộng địa bàn hoạt động

Trong giai đoạn củng cố, chấn chỉnh, một số QTDND mở rộng địa bàn hoạt động vượt quá khả năng quản lý, gây mất an toàn nên buộc NHNN áp dụng các biện pháp thu hẹp địa bàn, chỉ có một số Quỹ được hoạt động trên địa bàn liên xã, liên phường; hiện tại phần lớn QTDND hoạt động trên địa bàn 1 xã, phường; đến thời điểm này sau khi đã củng cố chấn chỉnh nhiều mặt, số QTDND yếu kém đã giảm hẳn, công tác đào tạo được quan tâm nên trình độ cán bộ quản lý đã được nâng lên, NHNN đã thanh tra, giám sát thường xuyên; đồng thời Hiệp hội QTDND được thành lập nên sẽ là trợ thủ đắc lực của NHNN trong công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của các hội viên sẽ góp phần giúp cho hoạt động QTDND được an toàn, hiệu quả hơn. Nếu chỉ hoạt động trong phạm vi một xã, phường thì QTDND chỉ như một *tổ chức tương hỗ* mà thôi; để tăng cường năng lực tài chính cho các QTDND, kiến nghị NHNN xem xét chấp thuận đối với những Quỹ đủ năng lực quản lý và được sự đồng tình của chính quyền địa phương cho phép QTDND mở rộng địa bàn hoạt động ở những nơi thích hợp; phương hướng sáp nhập các QTDND nhỏ với nhau cũng nên được tính đến để tăng năng lực tài chính cho hệ thống QTDND.

e) Tăng cường năng lực công nghệ thông tin

Phần lớn các QTDND được thành lập ở nông thôn vốn là địa bàn có cơ sở hạ tầng về giao thông, thông tin kém phát triển, nên hoạt động của QTDND cũng không vượt qua hoàn cảnh đó; đến nay, nhờ chính sách phát triển kinh

tế của Đảng và Nhà nước, tình hình đã được cải thiện đáng kể từ cơ sở hạ tầng giao thông đến thông tin liên lạc, tạo điều kiện cho các ngành kinh tế phát triển, trong đó có hoạt động của QTDND; hầu hết các QTDND đã có máy điện thoại cố định; Chủ tịch HĐQT, Giám đốc nhiều QTDND đã được trang bị điện thoại di động, giúp cho thông tin liên lạc được thông suốt, kịp thời; nhiều QTDND đã trang bị được máy vi tính để hạch toán kịp thời các hoạt động về kế toán, tài chính, tín dụng và các giao dịch khác; một số địa phương như ở tỉnh Hải Dương đã có 100% quỹ trang bị máy vi tính được kết nối với Chi nhánh NHNN tỉnh. Gần đây, Cơ quan Hiệp hội QTDND đã khai trương trang Thông tin điện tử (Website) để cung cấp thông tin và giao lưu trực tuyến với một số hội viên. Tuy nhiên, việc nâng cao trình độ công nghệ thông tin không chỉ đơn thuần là trang bị máy vi tính mà là các phần mềm hạch toán và kết nối hoạt động của các QTDND với nhau để đảm bảo công tác điều hoà vốn, hoạt động tín dụng và thực hiện các dịch vụ khác như dịch vụ thanh toán trong hệ thống. Để nâng cao năng lực và trình độ công nghệ thông tin cho cả hệ thống, nếu chỉ dựa vào QTDND cơ sở sẽ không thể thực hiện được do năng lực tài chính và trình độ sử dụng còn rất thấp; mà trước hết cần thực hiện ở QTDND bằng việc kết nối giao dịch giữa Hội sở với các Chi nhánh; tạo thành xương sống để kết nối với các QTDND cơ sở, làm nền tảng thực hiện chiến lược phát triển công nghệ thông tin của toàn hệ thống. Các QTDND cần đầu tư thích đáng cho việc mua sắm trang thiết bị cần thiết, nâng

cao trình độ kiến thức cho cán bộ để khai thác, sử dụng có hiệu quả các hoạt động của mình; tránh tình trạng trang bị máy vi tính hoặc kết nối để giải trí hoặc chỉ để trang trí, gây lãng phí cho công quỹ.

g) Nâng cao trình độ quản trị, điều hành và tác nghiệp

Như nhận định trên, trình độ của cán bộ QTDND còn bất cập so với nhu cầu hiện nay, cùng với việc cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo do NHNN tổ chức và các lớp đào tạo theo trình độ Trung cấp do Hiệp hội QTDND phối hợp với Học viện Ngân hàng; trước hết là tất cả cán bộ quản lý như Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Kiểm soát trưởng, Kế toán trưởng và cán bộ tín dụng cần đạt trình độ đại học; chuyên nghiệp hoá và ổn định đội ngũ cán bộ chủ chốt của QTDND là một yêu cầu cấp bách; nên cần có cơ chế ràng buộc đối với loại cán bộ này. Nếu do yêu cầu của địa phương cần có người thay thế tương đương và có sự thoả thuận của NHNN tỉnh, thành phố.

h) Khắc phục tác phong tùy tiện, tăng cường giáo dục và giám sát hạn chế tối đa rủi ro đạo đức

Tác phong làm việc tùy tiện là một tật xấu bám rễ lâu đời nhất là ở nông thôn, cần được khắc phục bằng việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy chế, quy trình làm việc của đội ngũ cán bộ QTDND, trước hết là cán bộ quản lý, điều hành.

Thường xuyên giáo dục tư tưởng, đạo đức của tất cả cán bộ làm việc trong QTDND lấy Chi bộ Đảng, Chi đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định của

Nhà nước và các quy chế làm việc của QTDND một cách thường xuyên, nghiêm túc. Giám đốc là người đi đầu, hành chịu trách nhiệm trực tiếp cần phát hiện kịp thời những sơ hở có thể dẫn đến tiêu cực nhất là trong lĩnh vực tín dụng, quản lý tài chính và quản lý quỹ để có biện pháp ngăn chặn; có như vậy mới hạn chế được rủi ro trước hết là rủi ro về đạo đức.

Kết luận

Thời gian gia nhập WTO đang đến gần, sự cạnh tranh lại càng khốc liệt hơn khi không chỉ đối với các NHTM trong nước và các ngân hàng nước ngoài với tiềm lực tài chính lớn mạnh gấp hàng ngàn lần so với hệ thống QTDND, với kinh nghiệm quản lý và trình độ công nghệ cao, nếu muốn tồn tại và phát triển, hệ thống QTDND cần có giải pháp khắc phục những yếu kém, đặc biệt là tăng thêm vốn để mở rộng hoạt động, nâng cao khả năng thanh khoản cho toàn hệ thống, đầu tư nhiều hơn nữa công nghệ thông tin; tăng cường công tác đào tạo cán bộ cho QTDND cơ sở; cung cấp những thông tin bổ ích, tư vấn cho QTDND những kiến thức quản trị, điều hành; sớm hình thành Quỹ an toàn hệ thống và tổ chức kiểm toán nội bộ trong hệ thống giúp cho hoạt động của QTDND được an toàn; tăng cường công tác tuyên truyền phát triển thành viên mới cho từng quỹ và thành lập mới các QTDND nhằm mở rộng hoạt động tín dụng không chỉ đối với thành viên và các hộ nghèo khu vực nông nghiệp - nông thôn và tiến tới đủ năng lực cung ứng tín dụng cho khu vực kinh tế HTX. ■

(1) Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước